

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**Câu I: (2,00 điểm)**

1. Trình bày hoạt động của gió mùa ở Nam Á và Đông Nam Á. Tại sao ở khu vực gió mùa, hướng gió hai mùa thường trái ngược nhau?

2. Trình bày và giải thích đặc điểm phân bố của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trên thế giới.

**Câu II: (1,00 điểm)**

Phân tích những tác động của dịch Viêm đường hô hấp cấp do virus Corona (Covid 19) gây ra đối với nền kinh tế - xã hội toàn cầu?

**Câu III: (2,00 điểm)**

1. Phân tích ảnh hưởng của vị trí Địa lí đến các đặc điểm chung của tự nhiên nước ta.

2. So sánh sự khác nhau của địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

**Câu IV: (2,00 điểm)**

1. Tại sao phòng chống thiên tai là vấn đề quan trọng trong chiến lược khai thác kinh tế biển ở nước ta?

2. Chứng minh và giải thích sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Câu V: (3,00 điểm)**

Cho bảng số liệu:

**SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THỦY SẢN NƯỚC TA QUA MỘT SỐ NĂM**

Sản lượng và giá trị xuất khẩu	Năm			
	2011	2013	2015	2017
1. Sản lượng (nghìn tấn)	5200	6050	6559	7279
- Khai thác	2200	2710	3026	3421
- Nuôi trồng	3000	3340	3533	3858
2. Giá trị xuất khẩu (triệu USD)	6118	6899	6677	8316

Nguồn: Tổng cục Thống kê

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất, thể hiện tổng sản lượng phân theo khai thác, nuôi trồng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta giai đoạn 2011 – 2017.

2. Nhận xét về sự thay đổi sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta qua các năm và giải thích.

----- **HẾT** -----

Họ và tên thí sinh: .....; Số báo danh .....

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM – ĐỀ THI NĂNG KHIẾU LẦN I**  
**LỚP 11 CHUYÊN ĐỊA LÍ \*\*\* NĂM HỌC 2020 – 2021 \*\*\* Ngày thi 05/10/2020**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm												
I	1	<b>Trình bày hoạt động của gió mùa ở Nam Á và Đông Nam Á. Tại sao ở khu vực gió mùa, hướng gió hai mùa thường trái ngược nhau?</b>	1,00												
		<p><b>* Trình bày hoạt động của gió mùa ở Nam Á và Đông Nam Á</b></p> <p>- Vào mùa hè: ở bán cầu Bắc khu vực chí tuyến nóng nhất, hình thành trung tâm áp thấp I – ran hút gió Mậu dịch từ bán cầu Nam vượt qua Xích đạo bị chênh lệch hướng thành gió Tây Nam, mang theo nhiều hơi ẩm và mưa.</p> <p>- Đến mùa đông: lục địa lạnh, các áp cao thường xuyên ở Bắc Cực phát triển mạnh và thường xuyên di chuyển xuống phía nam (Đặc biệt là sự xuất hiện của áp cao xibia...)...Gió thổi từ phía bắc xuống theo hướng bắc – nam, nhưng bị lệch hướng trở thành gió đông bắc lạnh khô.</p> <p><b>* Tại sao ở khu vực gió mùa, hướng gió hai mùa thường trái ngược nhau?</b></p> <p>- Do lục địa và đại dương có tính chất vật lí khác nhau, hấp thụ và tỏa nhiệt khác nhau...</p> <p>- Mùa đông lục địa nhiệt độ thấp → áp cao, đại dương ấm hơn → áp thấp → gió từ lục địa thổi ra đại dương. Mùa hạ lục địa nóng → áp thấp; đại dương → áp cao → gió từ đại dương thổi vào lục địa.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25												
	2	<b>Trình bày và giải thích đặc điểm phân bố của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng trên thế giới.</b>	1.00												
		<p>- Phân bố rộng rãi trên thế giới. Do đáp ứng nhu cầu con người, tác động đến các ngành khác, ....</p> <p>- Tập trung nhiều ở các nước đang phát triển. Do cần vốn ít, thu hồi vốn nhanh, sử dụng nhiều nguyên liệu, lao động, giải quyết việc làm, hướng đến xuất khẩu.....</p> <p>- Ở các nước đang phát triển chủ yếu phân bố các ngành đơn giản, ở các nước phát triển tập trung các ngành phức tạp về trình độ kĩ thuật. Do cơ cấu ngành đa dạng, phù hợp với điều kiện về nguyên liệu, vốn, khoa học kĩ thuật, trình độ lao động và nhu cầu thị trường khác nhau.</p> <p>- Phân bố theo đặc thù từng phân ngành để ưu tiên gần vùng nguyên liệu hoặc thị trường để giảm chi phí vận chuyển.</p>	0,25 0,25 0,25 0,25												
II		<b>Phân tích những tác động của dịch Viêm đường hô hấp cấp do virus Corona (Covid 19) gây ra đối với nền kinh tế - xã hội toàn cầu?</b>	1.00												
		<p>- Tiêu cực:</p> <p>+ Ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của con người, xung đột, mâu thuẫn, đe dọa an ninh xã hội... làm lung lay xu hướng toàn cầu hóa...</p> <p>+ Ảnh hưởng mạnh đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là dịch vụ, công nghiệp...</p>	0.25 0.25												
		<p>- Tích cực:</p> <p>+ Các nước chia sẻ, hợp tác, phối hợp chặt chẽ hơn trong việc phòng chống dịch....</p> <p>+ Thay đổi mạnh về cách thức sản xuất, kinh doanh, chuỗi cung ứng toàn cầu, linh hoạt hơn trong sự thay đổi...</p>	0.25 0.25												
	1	<b>Phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các đặc điểm chung của tự nhiên nước ta</b>	1,00												
III		<p>- Vị trí Địa lí khiến nước ta ảnh hưởng của nhiều vận động kiến tạo, với cường độ không lớn → đất nước nhiều đồi núi, phần lớn đồi núi thấp.</p> <p>- Vị trí 3 mặt giáp biển → thiên nhiên ảnh hưởng sâu sắc của biển.</p> <p>- Nằm ở vùng nội chí tuyến, nơi hoạt động của gió mùa → thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.</p> <p>- Vị trí kết hợp với địa hình, gió... → thiên nhiên phân hóa đa dạng.</p>	0.25 0.25 0.25 0,25												
	2	<b>So sánh sự khác nhau của địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.</b>	1,00												
		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th></th> <th>Vùng núi Trường Sơn Bắc</th> <th>Vùng núi Trường Sơn Nam</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td><b>Phạm vi</b></td> <td>Từ nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.</td> <td>Từ phía nam Bạch Mã trở vào.</td> </tr> <tr> <td><b>Đặc điểm chung</b></td> <td>- Núi hướng Tây Bắc- Đông Nam. Độ cao thấp hơn TSN</td> <td>- Hướng vòng cung, quay lưng ra biển Đông..Phạm vi rộng, nhiều đỉnh núi cao hơn TSB</td> </tr> <tr> <td><b>Dạng địa hình</b></td> <td>- Gồm nhiều dãy chạy song song và so le nhau.. - Thấp và hẹp ngang, hai đầu nhô cao. Dãy Hoàng Sơn, Bạch Mã đâm ngang ra biển.</td> <td>- Gồm các khối núi và cao nguyên. - Khối Kon Tum và cực Nam Trung Bộ nâng cao. Phía đông sườn dốc, phía tây là các cao nguyên ba-dan tương đối bằng phẳng (bất đối xứng rõ rệt)</td> </tr> </tbody> </table>		Vùng núi Trường Sơn Bắc	Vùng núi Trường Sơn Nam	<b>Phạm vi</b>	Từ nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.	Từ phía nam Bạch Mã trở vào.	<b>Đặc điểm chung</b>	- Núi hướng Tây Bắc- Đông Nam. Độ cao thấp hơn TSN	- Hướng vòng cung, quay lưng ra biển Đông..Phạm vi rộng, nhiều đỉnh núi cao hơn TSB	<b>Dạng địa hình</b>	- Gồm nhiều dãy chạy song song và so le nhau.. - Thấp và hẹp ngang, hai đầu nhô cao. Dãy Hoàng Sơn, Bạch Mã đâm ngang ra biển.	- Gồm các khối núi và cao nguyên. - Khối Kon Tum và cực Nam Trung Bộ nâng cao. Phía đông sườn dốc, phía tây là các cao nguyên ba-dan tương đối bằng phẳng (bất đối xứng rõ rệt)	0,50 0,50
		Vùng núi Trường Sơn Bắc	Vùng núi Trường Sơn Nam												
<b>Phạm vi</b>	Từ nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.	Từ phía nam Bạch Mã trở vào.													
<b>Đặc điểm chung</b>	- Núi hướng Tây Bắc- Đông Nam. Độ cao thấp hơn TSN	- Hướng vòng cung, quay lưng ra biển Đông..Phạm vi rộng, nhiều đỉnh núi cao hơn TSB													
<b>Dạng địa hình</b>	- Gồm nhiều dãy chạy song song và so le nhau.. - Thấp và hẹp ngang, hai đầu nhô cao. Dãy Hoàng Sơn, Bạch Mã đâm ngang ra biển.	- Gồm các khối núi và cao nguyên. - Khối Kon Tum và cực Nam Trung Bộ nâng cao. Phía đông sườn dốc, phía tây là các cao nguyên ba-dan tương đối bằng phẳng (bất đối xứng rõ rệt)													

IV	1	<b>Tại sao phòng chống thiên tai là vấn đề quan trọng trong chiến lược khai thác kinh tế biển nước ta?</b>	1,00																									
		- Vùng biển nước ta giàu tiềm năng phát triển tổng hợp kinh tế biển và đang được khai thác khá hiệu quả.....	0.25																									
		- Tuy nhiên cũng là vùng biển nhiều thiên tai.....	0.25																									
		- Hàng năm thiên tai tại vùng biển nước ta gây ảnh hưởng lớn đến tính mạng, tài sản, các hoạt động khai thác kinh tế biển....	0,25																									
		- Việc phòng chống thiên tai sẽ góp phần giảm thiểu thiệt hại, đảm bảo các hoạt động kinh tế diễn ra hiệu quả hơn...	0,25																									
IV	2	<b>Chứng minh và giải thích sông ngòi nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.</b>	1,00																									
		- Mạng lưới sông dày đặc (chứng minh). Do nguồn cung cấp nước, địa hình...	0.25																									
		- Sông nhiều nước (CM). Do lượng mưa lớn.	0.25																									
		- Chế độ nước theo mùa (CM). Do chế độ mưa theo mùa...	0.25																									
		- Phù sa: lớn. Do địa hình, mưa....	0.25																									
V	1	<b>Vẽ biểu đồ:</b> Vẽ biểu đồ kết hợp (Cột: sản lượng – Đường giá trị)...Các biểu đồ khác không cho điểm (Tham khảo biểu đồ sau)	1,00																									
		<p style="text-align: center;"><b>SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỦY SẢN NƯỚC TA</b></p> <table border="1"> <caption>SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỦY SẢN NƯỚC TA</caption> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Tổng sản lượng (Nghìn tấn)</th> <th>Khai thác (Nghìn tấn)</th> <th>Nuôi trồng (Nghìn tấn)</th> <th>Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2011</td> <td>5200</td> <td>2200</td> <td>3000</td> <td>6118</td> </tr> <tr> <td>2013</td> <td>6050</td> <td>2710</td> <td>3340</td> <td>6899</td> </tr> <tr> <td>2015</td> <td>6559</td> <td>3026</td> <td>3533</td> <td>6677</td> </tr> <tr> <td>2017</td> <td>7279</td> <td>3421</td> <td>3858</td> <td>8316</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Tổng sản lượng (Nghìn tấn)	Khai thác (Nghìn tấn)	Nuôi trồng (Nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)	2011	5200	2200	3000	6118	2013	6050	2710	3340	6899	2015	6559	3026	3533	6677	2017	7279	3421	3858	8316	
	Năm	Tổng sản lượng (Nghìn tấn)	Khai thác (Nghìn tấn)	Nuôi trồng (Nghìn tấn)	Giá trị xuất khẩu (Triệu USD)																							
	2011	5200	2200	3000	6118																							
2013	6050	2710	3340	6899																								
2015	6559	3026	3533	6677																								
2017	7279	3421	3858	8316																								
2	<b>Nhận xét về sự thay đổi sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy sản qua các năm trên.</b>	1.25																										
	<p>* Sản lượng:</p> <p>- Sản lượng thủy sản có xu hướng tăng liên tục (d/c). Tốc độ tăng sản lượng khai thác và nuôi trồng khác nhau: sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng (d/c).</p> <p>- Cơ cấu sản lượng thủy sản có sự thay đổi:</p> <p style="text-align: center;"><b>Bảng số liệu cơ cấu sản lượng thủy sản qua các năm (Đơn vị: %)</b></p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>2011</th> <th>2013</th> <th>2015</th> <th>2017</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khai thác</td> <td>42,3</td> <td>44,7</td> <td>46,1</td> <td>46,9</td> </tr> <tr> <td>Nuôi trồng</td> <td>57,7</td> <td>55,3</td> <td>53,9</td> <td>53,1</td> </tr> </tbody> </table> <p>Sản lượng thủy sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng cao hơn nhưng có xu hướng giảm nhẹ về tỉ trọng (d/c). Sản lượng thủy sản khai thác chiếm tỉ trọng thấp hơn nhưng có xu hướng tăng tỉ trọng (d/c).</p> <p>* Giá trị xuất khẩu thủy sản: Nhìn chung có xu hướng tăng (d/c). Năm 2015 giảm nhẹ...</p>	Năm	2011	2013	2015	2017	Khai thác	42,3	44,7	46,1	46,9	Nuôi trồng	57,7	55,3	53,9	53,1	0.25											
Năm	2011	2013	2015	2017																								
Khai thác	42,3	44,7	46,1	46,9																								
Nuôi trồng	57,7	55,3	53,9	53,1																								
	<b>Giải thích:</b>	0,75																										
	- Sản lượng thủy sản tăng do: nhu cầu ngày càng lớn; Nước ta khai thác ngày càng có hiệu quả lợi thế về nuôi trồng và đánh bắt thủy sản...	0,25																										
	- Giá trị xuất khẩu thủy sản tăng do: mở rộng thị trường xuất khẩu, ... Năm 2015 giảm nhẹ do biến động tỉ giá ngoại tệ, những thay đổi trong yêu cầu về thủy sản của các thị trường trọng điểm...	0,25																										
	- Thủy sản nuôi trồng: chiếm tỉ trọng lớn do đem lại giá trị kinh tế cao, ổn định hơn, có thể nuôi được đặc sản, là nguồn xuất khẩu chính... Thủy sản khai thác: chiếm tỉ trọng nhỏ hơn do phụ thuộc vào tự nhiên, giá trị kinh tế thấp hơn...	0,25																										
<b>TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 5 CÂU</b>			<b>10,00</b>																									